

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HC -ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2025
V/v khiếu kiện hủy Quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm.

Bà Bùi Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hủy quyết định hành chính”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2025/QĐST – HC ngày 25/3/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu B, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Ông Ngô Đức N, sinh năm 1999; địa chỉ: TDP số A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Tạ Văn P – Luật sư thuộc Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Phòng C tòa S, số B L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Long G – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P.

2. UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Long G – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Kế T – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã B.

2. Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở: Lô C, CCN T - A, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức H1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh L.

(Ông H, ông N1, ông P có mặt. Ông G, ông T, bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày: Năm 2016, ông H có mua lại một phần thửa đất số 139, tờ bản đồ số 30 tại địa chỉ: Khu G, xã T (nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, diện tích 144m² của bà Nguyễn Thị Hương T1. Phần diện tích 144m² ông H mua của bà T1 nêu trên được đo đạc thuộc tờ bản đồ số 5 (cũ là số 30), thửa đất số 03 (cũ là 151), loại đất: ONT (sau đây gọi là thửa đất số 3).

Khi Dự án Cụm C - A, xã T huyện P bắt đầu được triển khai, thửa đất số 03 của ông H thuộc diện thu hồi để thực hiện dự án. Do tuổi đã cao nên ông H có ủy quyền cho con trai là anh Nguyễn Ngọc C để cùng tham gia, ký kết các văn bản giấy tờ liên quan đến việc thu hồi đất của gia đình. Ngay tại thời điểm năm 2018, khi được gọi lên để xem bảng kê phương án bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất, ông H đã không đồng ý phương án bồi thường đất bằng tiền và yêu cầu bồi thường tái định cư cho ông H. Vì vậy, năm 2018 gia đình ông H chỉ nhận 01 lần khoản tiền Bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất; tiền cây trồng vật nuôi và tiền thưởng giải phóng mặt bằng nhanh, ông H chưa nhận tiền bồi thường về đất là 36.000.000đ, số tiền trên vẫn do Công ty TNHH V quản lý.

Ngay từ khi biết việc bồi thường phần diện tích đất ở của gia đình ông H bằng tiền, ông đã không đồng ý. Bản thân ông H chỉ có duy nhất thửa đất ở số 03, khi nhà nước thu hồi thì ông H không còn bất cứ diện tích đất ở nào khác, theo chính sách pháp luật, gia đình ông H phải đủ điều kiện được xem xét tái định cư. Mặt khác, giá trị đất được bồi thường theo bảng kê chỉ là 36.000.000đ. Số tiền này quá thấp so với giá tiền thực tế ông H phải bỏ ra năm 2016 để mua đất và đặc biệt thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất của gia đình ông H. Với khoản tiền bồi thường 36.000.000đ, ông H không thể mua được đất ở bất cứ đâu trong cùng địa phương nơi ông đang sinh sống. Chính vì vậy, gia đình ông H ngay từ đầu đã không chấp nhận việc nhà nước bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất ở bị thu hồi.

Kể từ thời điểm bị thu hồi đất, ông phải ở nhờ nhà con trai, đến ngày 01/01/2020 ông thuê nhà của bà Hoàng Thị Đ (CMND số: 131629400 do Công an tỉnh P cấp ngày 24/10/2015) có địa chỉ tại chợ H2, khu C, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để ở.

Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10); cụ thể, ông yêu cầu hủy bỏ phần nội dung bồi thường giá trị đất là 36.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem

xét buộc UBND huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ xây dựng và ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bằng đất) đối với ông.

- Tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B;

- Tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V.

- Đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND huyện P bồi thường tổn thất cho ông số tiền : 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông phải đi thuê nhà ở, tạm tính số tiền thuê nhà của ông từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (tháng 9/2024).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Tháng 4/2024, UBND huyện P nhận được đơn của công dân Nguyễn Văn H - khu B, xã H, thành phố V và ông Hoàng Minh C1 - khu L, xã B theo phiếu chuyển đơn số 139/BTCD-PCĐ ngày 26/4/2024 của Ban Tiếp công dân tỉnh và Văn bản số 07/2024/CV-ASV ngày 16/4/2024 của Công ty L1 – có địa chỉ tại phòng 3B1, tòa nhà S, số B L, phường M, quận N, Hà Nội (Được ủy quyền của ông Nguyễn Văn H- khu B, xã H, Thành phố V và ông Hoàng Minh C1 - khu L, xã B, huyện P). Đơn có nội dung: Đề nghị xem xét, giải quyết đơn của công dân theo quy định của pháp luật, cấp đất tái định cư và bồi thường thiệt hại do chậm trễ hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Văn H và ông Hoàng Minh C1 khi các hộ công dân bị Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng cụm C - A tại xã B, huyện P.

Quá trình xử lý và giải quyết, trả lời đơn nêu trên, Chủ tịch UBND huyện ký ban hành Văn bản số 781/UBND-HĐBT là thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; tại Điểm a Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai 2013 quy định về Thẩm quyền thu hồi đất; tại điểm a Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai. Do đó, UBND huyện là cơ quan ban hành các quyết định hành chính để thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn H là đúng thẩm quyền, cụ thể là:

- Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/6/2020 về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B (đây là Văn bản trả lời nội dung vướng mắc của công dân trong quá trình công khai phương án bồi thường).

- Quyết định số 1053/QĐ-UBND 24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm công nghiệp Tử Đà - A, tại xã B (Duyệt lần 10).

Về trình tự, thủ tục ban hành văn bản: Thực hiện theo Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định về Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. UBND huyện thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cụm

C - A, tại xã T. Sau khi lập phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ngày 25/5/2020, Hội đồng Bồi thường đã công khai dự toán chi tiết. Trong thời gian công khai, ông Nguyễn Văn H đề nghị được cấp đất tái định cư, không nhận tiền đền bù đất ở.

- Ngày 29/5/2020, Hội đồng Bồi thường, HT&TĐC huyện đã tổ chức hội nghị để giải quyết nội dung đề nghị của ông Hoàng Minh C1 và ông Nguyễn Văn H. Tại hội nghị, Chủ tịch UBND xã B đã xác nhận: *“Hiện nay, trên địa bàn xã, hộ gia đình ông Nguyễn Văn H không có đất ở trên địa bàn sau khi thu hồi”*.

- Ngày 17/6/2020, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 765/UBND-TNMT về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B. Nội dung Văn bản có nêu:

... *“Đối với hộ ông Nguyễn Văn H: Không có đất ở nào khác trên địa bàn xã B; tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn H không ở trên diện tích đất bị thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất. Căn cứ theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P tại văn bản số 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017, hộ ông Nguyễn Văn H không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư. Hộ ông Nguyễn Văn H sẽ được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất ở bị thu hồi”* ...

- Ngày 24/6/2020, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B - Duyệt lần 10 và Quyết định số 1053/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10).

Như vậy, việc UBND huyện P ban hành Văn bản số 765/UBND-TNMT và Quyết định số 1053/QĐ - UBND là đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

- Ngày 26/4/2024, UBND huyện nhận được phiếu chuyển đơn số 139/BTCD-PCĐ ngày 26/4/2024 của Ban Tiếp công dân tỉnh và Văn bản số 07/2024/CV-ASV ngày 16/4/2024 của Công ty L1 – có địa chỉ tại phòng 3B1, tòa nhà S, số B L, phường M, quận N, Hà Nội (Được ủy quyền của ông Nguyễn Văn H - khu B, xã H, thành phố V và ông Hoàng Minh C1 - khu L, xã B, huyện P). Tại văn bản số 648/UBND – BTCD ngày 17/5/2024 v/v giao giải quyết đơn của công dân công dân Nguyễn Văn H - khu B, xã H, Thành phố V và ông Hoàng Minh C1 - khu L, xã B, huyện P, giao cho Văn phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất tham mưu giải quyết.

- Căn cứ Báo cáo số 37/BC-HĐBT ngày 10/6/2024 của Hội đồng bồi thường, HT&TĐC về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, khu L, xã B và ông Nguyễn Văn H, khu B, xã H, TP V. Ngày 11/6/2024, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Văn bản số 781/UBND-HĐBT v/v trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 20 Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra chính phủ.

Căn cứ ban hành văn bản : Đối với Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/6/2020: Hộ ông Nguyễn Văn H không có đất ở nào khác trên địa bàn xã B; tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn H không ở trên diện tích đất bị thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất. Căn cứ theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P tại văn bản số 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017, hộ ông Nguyễn

Văn H không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư. Hộ ông Nguyễn Văn H được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất ở bị thu hồi. Như vậy, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 765/UBND-TNMT là có đủ căn cứ pháp lý theo quy định của Luật đất đai.

Đối với Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020: Các căn cứ để ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND bao gồm: Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (Điều 74, Điều 75) và các văn bản dưới luật: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của C2 phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh P Ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, khi nhà nước thu hồi đất đối với dự án: Xây dựng cụm C - A tại địa bàn xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ và các văn bản hướng dẫn khác. Như vậy, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND là đúng, có đủ căn cứ pháp lý quy định của pháp luật.

- Tại Biên bản làm việc ngày 29/5/2020, Chủ tịch UBND xã B đã xác nhận: *“Hiện nay, trên địa bàn xã, hộ gia đình ông Nguyễn Văn H không có đất ở trên địa bàn sau khi thu hồi”*.

- Tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2019, ông Nguyễn Văn H có ý kiến: *“Thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp gia đình bị thu hồi 1440 m² đất ở, gia đình đề nghị tái định cư cho gia đình. Hiện tại gia đình đang ở thuê ở chợ xã H. Vị trí đất ở của gia đình ở xã H, ông đã tặng cho con trai từ năm 2018”*.

- Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/6/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B có nêu: *“Đối với hộ ông Nguyễn Văn H: Không có đất ở nào khác trên địa bàn xã B; tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn H không ở trên diện tích đất bị thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất. Căn cứ theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P tại văn bản số 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017, hộ ông Nguyễn Văn H không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư. Hộ ông Nguyễn Văn H sẽ được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất ở bị thu hồi”*.

- Ngày 24/6/2020, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1052/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án hộ ông Nguyễn Văn H bị thu hồi đất và được bồi thường, cụ thể như sau:

* Về thu hồi đất: Thu hồi của ông Nguyễn Văn H thửa đất số 3 (151), tờ bản đồ 30 (5), diện tích 144m²; địa chỉ: Khu L, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ

* Về bồi thường: Bồi thường về đất cho ông Nguyễn Văn H 36.000.000 đồng, bồi thường đối với nhà công trình xây dựng gắn liền với đất 1.030.387.500 đồng, bồi thường cây trồng vật nuôi 4.365.000 đồng, thưởng giải phóng mặt bằng nhanh 2.880.000 đồng. Ngày 29/6/2020, ông Nguyễn Văn H (ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc C) đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.073.632.500 đồng.

Sau khi hộ ông Nguyễn Văn H và các hộ dân khác đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND, chủ đầu tư đã thực hiện

thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 07/8/2020, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 1806/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích, giao đất đối với diện tích đất UBND huyện P đã thu hồi tại Quyết định số 1052/QĐ-UBND. Từ đó đến nay Công ty TNHH V đã thi công và đưa vào khai thác, sử dụng đối với diện tích được giao theo quy định. Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện P ban hành Văn bản số 781/UBND-HĐBT là có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B, huyện P trình bày: Ông Nguyễn Văn H được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 985924, tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 30, diện tích 144,0m², đất ở tại nông thôn; địa chỉ thửa đất tại: Khu L, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nguồn gốc đất: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (kèm theo Quyết định thu hồi đất)

Thực hiện dự án: Xây dựng Cụm C - A, tại xã B. Ngày 24/06/2020, UBND huyện P đã ra Quyết định số 1052/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Trong đó có thu hồi thửa đất số 151, tờ bản đồ số 30, diện tích thu hồi 144,0m², đất ở tại nông thôn của ông Nguyễn Văn H. Toàn bộ quá trình thu hồi đất của ông Nguyễn Văn H được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và T2 định cư UBND huyện P thực hiện.

** Đối với khu đất Tái định cư cho các hộ dân:*

Vị trí quy hoạch tại: Khu G, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ tại Quyết định 1969/QĐ-UBND ngày 04/08/2011, gồm 25 ô; đến nay đã giao cho hộ dân 16 ô, còn lại 09 ô đất chưa giao (nội dung này, UBND xã B đã có Báo cáo số 252/BC-UBND ngày 24/12/2024 kèm theo). Nay, ông Nguyễn Văn H khởi kiện các quyền lợi liên quan đến việc thu hồi đất, quan điểm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V trình bày: Công ty TNHH V được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600688462 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh P cấp đăng ký lần đầu ngày 16/06/20210, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/05/2021. Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư kinh doanh hạ tầng sản xuất công nghiệp và dịch vụ Cụm C- A.

1. Căn cứ vào quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 24/06/2020 và quyết định 1053/QĐ-UBND ngày 24/06/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P về thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ(duyệt lần 10). Công ty TNHH V đã thực hiện chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quyết định cho hộ ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền bồi thường là 1.073.632.500đ (Một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm ba hai nghìn, năm trăm đồng). Trong đó: bồi thường tiền đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), bồi thường đối với nhà công trình xây dựng gắn liền với đất 1.030.387.500 đồng, bồi thường cây trồng vật nuôi 4.365.000 đồng, thưởng giải phóng mặt bằng nhanh 2.880.000 đồng. Ngày 29/6/2020, ông Nguyễn Văn H (ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc C) nhận đủ và ký chứng từ nhận tiền.

Sau đó theo đề nghị của ông Nguyễn Ngọc C muốn gửi lại đơn vị chi trả giữ hộ số tiền bồi thường về đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), và công ty TNHH V đã giữ hộ số tiền này cho ông C.

2. Về nội dung đất tái định cư: Công ty TNHH V chỉ thực hiện làm hạ tầng. Sau khi làm hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt xong (Tổng số 26 ô), Công ty đã bàn giao lại phần hạ tầng quỹ đất tái định cư đó cho Ủy ban nhân dân huyện P và UBND xã B quản lý để cấp đất tái định cư. Việc cấp đất tái định cư thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

Khi ông C là người gửi có yêu cầu nhận lại số tiền đã gửi giữ hộ thì Công ty TNHH V sẽ trả lại đúng số tiền đã gửi.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành phiên đối thoại được do người bị kiện, người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt; người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn từ chối hòa giải, đối thoại. Tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 74, khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, tuyên :

- Hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn H; cụ thể hủy bỏ phần nội dung bồi thường trị giá đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Buộc UBND huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bằng đất) với gia đình ông Nguyễn Văn H.

- Tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B;

- Tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 116, Điều 143, điểm b, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị Tòa án tuyên Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10); tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B; tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Và buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn H được tái định cư bằng đất ở theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường tổn thất cho ông số tiền: 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông phải đi thuê nhà ở, tạm tính số tiền thuê nhà của ông từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (tháng 9/2024). Quá trình giải quyết vụ án ngày 17/3/2025 ông Nguyễn Văn H đã có đơn xin rút đối với yêu cầu khởi kiện này. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Văn H.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10); cụ thể hủy bỏ phần nội dung bồi thường trị giá đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Buộc UBND huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư (bằng đất) với gia đình ông Nguyễn Văn H; tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B; tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V; đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND huyện P bồi thường tổn thất cho ông số tiền : 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông phải đi thuê nhà ở, tạm tính số tiền thuê nhà của ông từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Quyết định này là Quyết định hành chính bị khiếu kiện theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày

24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10); tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B; tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V; Đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường cho gia đình ông H được tái định cư bằng đất ở theo đúng chính sách pháp luật của địa phương và buộc UBND huyện P bồi thường tổn thất cho ông số tiền: 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông phải đi thuê nhà ở, tạm tính số tiền thuê nhà của ông từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (tháng 9/2024). Ngày 09/7/2024 ông Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H còn thời hạn khởi kiện theo quy định.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Long G; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Kế T, bà Vũ Thị Thanh L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2].*Về nội dung:* Ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng cụm C - A, tại xã B (Duyệt lần 10); tuyên hủy Văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/06/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C1, khu L, xã B; tuyên hủy Văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V; đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường cho gia đình ông H được tái định cư bằng đất ở theo đúng chính sách pháp luật của địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2016, ông H có mua lại một phần thửa đất số 139, tờ bản đồ số 30 tại địa chỉ: Khu G, xã T (nay là xã B), huyện P, tỉnh Phú Thọ, diện tích 144m² của bà Nguyễn Thị Hương T1. Phần diện tích 144m² ông H mua của bà T1 nêu trên được đo đạc thuộc tờ bản đồ số 5 (cũ là số 30), thửa đất số 03 (cũ là 151), loại đất: ONT (sau đây gọi là thửa đất số 3).

Khi Dự án Cụm C - A, xã T huyện P triển khai, thửa đất số 03 của ông H thuộc diện thu hồi để thực hiện dự án gia đình ông H đã nêu cao tinh thần làm gương, bàn giao trước thửa đất số 03 ngay tại thời điểm năm 2018 để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà nước và cho khu công nghiệp giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án. Ngay tại thời điểm năm 2018, khi được gọi lên để xem bảng kê phương án bồi thường về đất và tài sản, vật kiến trúc trên đất, ông H đã không đồng ý phương án bồi thường đất bằng tiền và yêu cầu bồi thường tái định cư cho ông H. Vì vậy, năm 2018 gia đình ông H chỉ nhận 01 lần khoản tiền Bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất; tiền cây trồng vật nuôi và tiền thưởng giải phóng mặt bằng nhanh. Ông H khẳng định chưa bao giờ nhận tiền Bồi thường

về đất. Thực tế, từ năm 2018 đến nay ông H chưa từng nhận tiền bồi thường về đất là 36.000.000đ nêu trên, số tiền trên vẫn do Công ty TNHH V quản lý. Điều này, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tại (BL 151) Đơn xin gửi lại tiền đền bù đất có xác nhận của Công ty TNHH V ký xác nhận ngày 29/6/2020 (Do người liên quan là Công ty TNHH V) giao nộp, đồng thời lời khai của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi liên cũng có lời khai phù hợp với người khởi kiện số tiền đất gia đình ông H không nhận (số tiền này vẫn do Công ty TNHH V KOREA quản lý).

Bản thân ông H chỉ có duy nhất thửa đất số 03 (cũ 151), tờ bản đồ số 5 (cũ), diện tích : ở 144m² (loại đất: ONT), khi nhà nước thu hồi thì ông H không còn bất cứ diện tích đất ở nào khác, theo chính sách pháp luật, gia đình ông H phải đủ điều kiện được xem xét tái định cư. Tại Văn bản số 765/UBND – TNMT ngày 17/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc đề nghị tái định cư của các hộ ông Nguyễn Văn H, ông Hoàng Minh C1, khu L, xã B xác nhận: ... “Đối với hộ ông Nguyễn Văn H: Không có đất ở nào khác trên địa bàn xã B; tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Văn H không ở trên diện tích đất bị thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở khi bị thu hồi đất. Căn cứ theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P tại văn bản số 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017, hộ ông Nguyễn Văn H không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư. Hộ ông Nguyễn Văn H sẽ được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất ở bị thu hồi”... (BL 92). Như vậy, hộ ông Nguyễn Văn H đã được chính quyền địa phương xác nhận hộ ông H không có thửa đất ở nào khác trên địa bàn xã B khi thu hồi đất. Mặt khác, diện tích đất thu hồi của ông Nguyễn Văn H là đất ở, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có xác minh của chính quyền địa phương là UBND xã B, UBND huyện Phù Ninh đều khẳng định ngoài thửa đất nêu trên ông không có thửa đất nào khác. Đồng thời, theo quy định tại Điều 74 , Điều 75. điểm a, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013.

Tại Điều 74. Nguyên tắc về bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi về đất:

1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Tại Điều 79. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định:

1...

a. Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền;

...

Mặt khác, theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Công văn số 2208/HD-TNMT ngày 31/10/2017 của Sở T. tại mục III. Giải quyết một số trường hợp khi áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. 1, Bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất: “ ... Bồi thường khi nhà nước thu hồi đất ở: + Trường hợp thu hồi hết đất

ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh (theo Điều 1 Quyết định số 22/2017/QĐ – UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh) mà hộ gia đình, các nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở”... Theo biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện thì hộ ông Nguyễn Văn H không có đất ở nào khác trên địa bàn xã B. Đồng thời, theo Báo cáo số 252/BC –UBND ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã B (BL 186) và Văn bản số 110/UBND – TNMT ngày 05/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc rà soát, cung cấp thông tin, tài liệu về quỹ đất tái định cư dự án: Xây dựng Cụm C - A thì đều được thể hiện: “... Khu tái định cư của dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1969/QĐ- UBND ngày 04/8/2011 gồm 25 ô; đến nay đã giao cho hộ dân 16 ô còn lại 09 ô đất chưa giao...” (BL 168). Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất, UBND huyện P vẫn còn quỹ đất là 09 ô đất chưa tái định cư tại vị trí: Khu G, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện P xác định quỹ đất tái định cư vẫn còn 09 ô chưa quyết định tái định cư cho bất kỳ hộ dân nào thuộc trường hợp bị thu hồi đất của dự án. Tại văn bản số 781/UBND - HĐBT ngày 11/6/2024 Chủ tịch UBND huyện P đã trả lời ông H với nội dung: Trường hợp ông H chưa có nhà ở, đất ở trên địa bàn, thực sự có nhu cầu cần thiết về đất ở, đủ điều kiện xem xét giao đất ở, địa phương có quỹ đất thì ông làm đơn đề nghị gửi UBND xã B để được tổng hợp xem xét theo quy định. Như vậy, căn cứ Điều 74; Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 hộ ông H thuộc trường hợp được tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ở. Do vậy, có căn cứ hủy một phần Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND huyện P liên quan đến phương án hỗ trợ, bồi thường giá trị đất là 36.000.000 đồng đối với ông Nguyễn Văn H. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định tái định cư cho ông Nguyễn Văn H 01 thửa đất tại vị trí: Khu G, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Đồng thời có căn cứ Hủy văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 17/6/2020 của UBND huyện P về việc đề nghị tái định cư của hộ Nguyễn Văn H: khu L, xã B và văn bản số 781/UBND-HĐBT ngày 11/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Hoàng Minh C1, xã B và ông Nguyễn Văn H, xã H, thành phố V.

[2]. Đối với khoản tiền bồi thường về đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) Công ty TNHH V đã giữ. Công ty TNHH V có trách nhiệm trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường tổn thất cho ông số tiền : 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông phải đi thuê nhà ở, tạm tính số tiền thuê nhà của ông từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (tháng 9/2024). Quá trình giải quyết vụ án ngày 17/3/2025 ông Nguyễn Văn H đã có đơn xin rút đối với yêu cầu khởi kiện này. Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Văn H theo quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74; Điều 75, điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

1.1. Huỷ một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P liên quan đến bồi thường giá trị đất là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) đối với hộ ông Nguyễn Văn H.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện nhiệm vụ, công vụ bồi thường tái định cư bằng đất ở cho ông Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật.

1.3. Hủy văn bản số: 765/UBND-TNMT ngày 17/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc đề nghị tái định cư hộ ông Nguyễn Văn H: khu L, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ và văn bản số 781/ UBND-TNMT ngày 11/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Văn H.

[2]. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường tổn thất cho ông Nguyễn Văn H số tiền : 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) là tổng chi phí mà ông H phải đi thuê nhà ở.

[3]. Công ty TNHH V có trách nhiệm nộp lại số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) cho Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

- Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
 - Cục THADS tỉnh Phú Thọ.
 - Các đương sự.
 - Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

